

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 3 năm 2024.
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hữu Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
Ông Võ Văn Liêm.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:**
Không.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Thị G**, sinh năm 1970. (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: **ấp D, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.**

Bị đơn: Ông **Danh P**, sinh năm 1971. (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: **ấp D, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, có trong hồ sơ nguyên đơn chị **Thị G** trình bày:

Vào năm 1992 qua tìm hiểu, được cha mẹ hai bên gia đình đồng ý chị **Thị G** và anh **Danh P** đã về chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, được 21 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **P** tự ý bỏ nhà đi không rõ lý do, hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay và hiện nay không quan tâm chăm sóc với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa nên chị **G** yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh **P**

Về con chung: Thời gian chung sống chị **G** anh **P** có 02 đứa con tên **Thị Ngọc D** sinh năm 1993, **Thị Kiều T**, sinh năm 1997, hiện nay các con đã trưởng thành trên 18 tuổi đã có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh **Danh P** có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện: anh **P** thống nhất với lời trình bày của chị **G** về thời gian chung sống và không có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, các nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng, về con chung, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Về quan hệ hôn nhân: Anh **P** đồng ý ly hôn với chị **Thị G**.

Về con chung: Đã trưởng thành và không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh **Danh P** có nơi cư trú tại **ấp D, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang**, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Đối với Nguyên đơn chị **G** và bị đơn anh **P** có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị **G** anh **P**.

Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, chị **G** yêu cầu được ly hôn với anh **P** Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về hôn nhân: Chị **G** anh **P** tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã **V** xác nhận anh chị không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống đến nay vẫn không thực hiện đăng ký kết hôn trễ hạn, do đó hôn nhân của anh chị trái với Luật hôn nhân và gia đình và là hôn nhân không hợp pháp, vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình 2014 “*Nam nữ có điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Do cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn kéo dài anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng, chị **G** yêu cầu được ly hôn với anh **P**. Do đó cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **G** với anh **P** theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3]. Về con chung: Các con đã trưởng thành trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và không có yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Là 300.000đ chị **Thị G** phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị **Thị G** và anh **Danh P** là vợ chồng.
2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị **Thị G** nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí chị **G** đã tạm nộp theo biên lai thu số **số 0004615 ngày 18/12/2023** của chi cục Thi hành án Dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hữu Thạnh